

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

Số: 3717/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Việt Trì, ngày 17 tháng 11 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt kế hoạch hành động về đa dạng sinh học, an toàn sinh học trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2005;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học năm 2008;

Căn cứ Quyết định số 79/2007/QĐ-TTg, ngày 31/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 thực hiện công ước Đa dạng sinh học và Nghị định thư Cartagena về an toàn sinh học;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch hành động về đa dạng sinh học, an toàn sinh học trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020, với các nội dung chủ yếu như sau:

I - MỤC TIÊU:

1. Mục tiêu cụ thể đến năm 2015:

a) Bảo tồn, sử dụng và phát triển bền vững đa dạng sinh học trên cạn:

- Củng cố, hoàn thiện và phát triển hệ thống rừng góp phần đạt tỷ lệ che phủ rừng của tỉnh đạt 52%.

- Chăm sóc, bảo vệ diện tích rừng đặc dụng hiện có trên địa bàn tỉnh và nâng diện tích lên để đạt 17.200ha.

- Phát triển diện tích rừng phòng hộ; trong đó tập trung phục hồi và bổ sung các khu rừng phòng hộ xung yếu đầu nguồn Ngòi Lao, ngòi Rãnh, Trung Sơn, Thượng Long,...

- Bảo tồn nguyên vị các loài thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm, đặc hữu tại các khu rừng nguyên sinh, rừng đặc dụng.

- Nghiên cứu để xây dựng 01 khu bảo tồn thiên nhiên được công nhận là khu dự trữ sinh quyển và di sản ASEAN.

b) Bảo tồn, sử dụng và phát triển bền vững đa dạng sinh học các vùng đất ngập nước:

- Điều tra, đánh giá các giá trị đa dạng sinh học; quản lý có hiệu quả các vùng đất ngập nước quan trọng như Đầm Ao Châu, hồ Chính Công... và giữ vững các vùng đất ngập nước hiện có trong nội thành, nội thị để điều hòa khí hậu cho thành phố Việt Trì và thị xã Phú Thọ.

- Nghiên cứu và xây dựng 02 khu đất ngập nước đủ tiêu chuẩn, điều kiện để được công nhận là vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc gia.

c) Sử dụng và phát triển bền vững đa dạng sinh học:

- Tiếp tục điều tra, đánh giá các nguồn gen cây trồng, vật nuôi, vi sinh vật nông nghiệp quý hiếm có giá trị.

- Bảo tồn, sử dụng và phát triển bền vững các giống cây trồng, vật nuôi, vi sinh vật nông nghiệp bản địa, quý, hiếm, có giá trị kinh tế - xã hội cao.

- Xây dựng các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ sinh học để sản xuất chè và cây ăn quả đặc hữu của tỉnh.

d) Sử dụng bền vững tài nguyên sinh vật:

- Xây dựng và phát triển mô hình sử dụng bền vững tài nguyên sinh vật; kiểm soát, phòng ngừa, ngăn chặn và loại trừ việc khai thác, kinh doanh, tiêu thụ các động thực vật hoang dã, quý hiếm, nguy cấp.

- Kiểm soát, đánh giá và ngăn chặn các loại sinh vật lạ xâm lấn.

- Quản lý 100% các giống, loài, nguồn gen sinh vật nhập khẩu lưu hành tại địa phương.

e) Tăng cường năng lực quản lý Nhà nước về đa dạng sinh học và an toàn sinh học:

- Kiện toàn, xây dựng hệ thống chính sách, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về quản lý đa dạng sinh học và an toàn sinh học phù hợp với tình hình tại địa phương để tổ chức triển khai, thực hiện; tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật.

- Bảo đảm sinh vật biến đổi gen và sản phẩm, hàng hóa có nguồn gốc từ sinh vật biến đổi gen được phép lưu hành trên thị trường đã qua đánh giá rủi ro tại Việt Nam.

2. Định hướng đến năm 2020:

a) Bảo tồn, phát triển và sử dụng bền vững đa dạng sinh học một cách đầy đủ và có hệ thống.

b) Hoàn thiện hệ thống tổ chức, cơ chế, chính sách và văn bản quy phạm pháp luật quản lý đa dạng sinh học và an toàn sinh học của tỉnh Phú Thọ phù hợp với kế hoạch hành động bảo tồn đa dạng sinh học và các chiến lược quốc gia.

c) Hoàn chỉnh hệ thống các khu bảo tồn thiên nhiên (trên cạn và đất ngập nước); phục hồi hệ sinh thái tự nhiên đặc thù, nhạy cảm đã bị phá hủy và nâng độ che phủ rừng đạt 56%.

II - CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU:

1. Bảo tồn, sử dụng và phát triển đa dạng sinh học trên cạn:

a) Rà soát và quy hoạch hệ thống rừng đặc dụng:

- Tổ chức, quản lý, phân hạng xác định ranh giới, diện tích, tình hình sử dụng đất v.v... của các khu rừng thuộc hệ thống rừng đặc dụng.

- Tổ chức điều tra, đánh giá về các giá trị đa dạng sinh học của các khu rừng đặc dụng làm cơ sở để lập kế hoạch bảo tồn và phát triển hệ thống rừng đặc dụng.

b) Nghiên cứu áp dụng các mô hình quản lý rừng bền vững:

- Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương, các cơ sở lâm học nghiên cứu quản lý bền vững (phân loại rừng, đặc điểm cấu trúc, sản lượng, quy luật sinh trưởng...) đối với các khu rừng tự nhiên trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và ban hành các chủ trương chính sách nhằm khuyến khích phát triển các mô hình quản lý rừng bền vững.

c) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các dự án trồng mới, chăm sóc, bảo vệ rừng:

- Trồng rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn.

- Quan tâm đến các khu vực khoanh nuôi, tái sinh rừng tự nhiên, các khu vực rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ để đảm bảo các lợi ích cho phát triển bền vững.

- Nghiên cứu, xây dựng và ban hành các quy trình trồng rừng trên cơ sở đánh giá đất, giống, kỹ thuật lâm sinh, phòng chống cháy rừng; xác định cơ cấu cây trồng thích hợp theo các vùng sinh thái.

- Xây dựng các mô hình khuyến lâm, đặc biệt những mô hình trồng cây lâm nghiệp đặc sản trên địa bàn tỉnh.

d) Xây dựng và đề cử khu bảo tồn thiên nhiên của tỉnh đủ tiêu chuẩn để được công nhận là khu dự trữ sinh quyển và di sản SEAN:

Giai đoạn từ nay đến năm 2015 điều tra, đánh giá để lập hồ sơ đề nghị công nhận Vườn quốc gia Xuân Sơn là khu dự trữ sinh quyển và di sản ASEAN.

e) Áp dụng phương pháp tiếp cận hệ sinh thái trong bảo vệ đa dạng sinh học, xây dựng hành lang đa dạng sinh học:

- Nghiên cứu, áp dụng phương pháp tiếp cận hệ sinh thái vào: Kế hoạch quản lý tài nguyên thiên nhiên, kế hoạch hoạt động của các khu bảo tồn, vườn quốc gia trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện các mô hình về áp dụng phương pháp tiếp cận hệ sinh thái trong bảo tồn đa dạng sinh học, đặc biệt là các dự án về quản lý tài nguyên thiên nhiên, phục hồi các vùng rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn.

- Nghiên cứu và xây dựng hành lang đa dạng sinh học giữa các khu bảo tồn có vị trí gần nhau, là sinh cảnh chung của các loài động vật quý hiếm; ban hành các chính sách, đầu tư phù hợp đối với công tác bảo tồn tại các khu vực hành lang đa dạng sinh học.

- Điều tra, đánh giá để có kế hoạch phục hồi một số hệ sinh thái nhạy cảm đang bị suy thoái.

f) Phát triển các hình thức bảo tồn chuyên vị, đặc biệt đối với các loài động vật, thực vật đặc hữu, quý, hiếm; chú trọng nhân nuôi và gieo trồng một số loài động vật, thực vật quý, hiếm, có giá trị kinh tế - xã hội cao:

- Duy trì và bảo tồn các loài động vật, thực vật đặc hữu, quý hiếm như gà nhiều cựa, hồng Hạc Trì, hồng Gia Thanh, bưởi Đoan Hùng, chuối phấn, khoai tắng vàng, cá Anh Vũ, cá Lăng Chấm... Tiếp tục xác định danh mục các loài cần được bảo tồn chuyên vị trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường phương thức bảo tồn nguồn gen và các vật liệu di truyền, các bộ sưu tập vi sinh, ngân hàng giống, bộ sưu tập chất mầm, mô cây.

- Tăng cường nhân nuôi và gieo trồng một số loài động vật, thực vật quý hiếm, có giá trị kinh tế cao, trong đó khuyến khích người dân áp dụng phương pháp bảo tồn trang trại.

g) Xác định các loài nguy cấp có nguy cơ tuyệt chủng để bảo tồn chuyên vị theo quy hoạch:

- Rà soát, kiểm kê đánh giá tình trạng và mức độ đe dọa của các loài hoang dã nguy cấp có nguy cơ tuyệt chủng, các loài, nguồn gen bản địa quý hiếm có giá trị kinh tế cao cần được ưu tiên bảo tồn.

- Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương để lập kế hoạch bảo tồn chuyên vị đối với các loài nguy cấp có nguy cơ tuyệt chủng.

2. Bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học các vùng đất ngập nước:

a) Xây dựng và thực hiện quy hoạch các khu bảo tồn đất ngập nước trong đó chú trọng các phân khu chức năng và vùng đệm; xây dựng và thực hiện kế hoạch bảo tồn cho từng khu:

- Tổ chức điều tra, đánh giá các khu bảo tồn đất ngập nước tiềm năng của tỉnh để bảo tồn và duy trì phát triển đa dạng sinh học, trong đó chú trọng một số khu đất ngập nước đặc thù như đầm Ao Châu, hồ Chính Công, hồ Vân Hội và các khu đất ngập nước tại thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ.

- Lồng ghép các nội dung bảo vệ đa dạng sinh học nói chung, bảo vệ các vùng đất ngập nước nói riêng vào các chính sách phát triển của tỉnh.

- Xây dựng chương trình nâng cao nhận thức bảo vệ các vùng đất ngập nước.

- Giai đoạn từ nay đến năm 2015 xây dựng và đề cử 02 khu đất ngập nước của tỉnh (Đầm Ao Châu, hồ Chính Công) đủ điều kiện để được công nhận là vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc gia.

b) Phục hồi các hệ sinh thái đất ngập nước ở các vùng dễ bị tổn thương về môi trường.

- Nghiên cứu, đề xuất kế hoạch phục hồi các hệ sinh thái đất ngập nước ở những vùng dễ bị tổn thương về môi trường;

- Lồng ghép nội dung quản lý hệ sinh thái đất ngập nước ở các vùng dễ bị tổn thương về môi trường vào các chính sách, kế hoạch phát triển của các ngành, lĩnh vực liên quan.

3. Bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học trong nông nghiệp:

a) Điều tra, kiểm kê, đánh giá các nguồn gen cây trồng, vật nuôi, vi sinh vật nông nghiệp:

- Tổng kiểm kê các nguồn gen cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh;
- Xác định các nguồn gen quý hiếm, có giá trị kinh tế và đa dạng sinh học cao trên địa bàn toàn tỉnh cần được bảo tồn và phát triển.
- Đánh giá mức độ đe dọa để lập kế hoạch ưu tiên bảo tồn đối với nguồn gen quý hiếm, có giá trị kinh tế và đa dạng sinh học, các loài sinh vật bản địa, đặc biệt là cây thuốc truyền thống quý hiếm và tài nguyên tri thức y học cổ truyền.

b) Xây dựng, thực hiện chương trình bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học:

- Rà soát, đánh giá ưu, nhược điểm về các chương trình bảo tồn đa dạng sinh học nông nghiệp đã được thực hiện.
- Đề xuất, xây dựng các chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học.

c) Xây dựng và triển khai áp dụng các mô hình bảo tồn và phát triển các loài cây trồng, vật nuôi bản địa quý, hiếm:

- Xây dựng và thực hiện các chương trình, đề tài nghiên cứu, thực nghiệm về bảo tồn các giống cây trồng, vật nuôi bản địa quý hiếm.
- Khuyến khích áp dụng các mô hình bảo tồn và phát triển các loài cây trồng, vật nuôi bản địa quý hiếm; chú trọng nhân giống vật nuôi, cây trồng có giá trị kinh tế và đa dạng sinh học cao phục vụ bảo tồn đa dạng sinh học nông nghiệp và phát triển kinh tế.
- Nghiên cứu, thống kê các công nghệ, kỹ thuật hiện đang được áp dụng trong bảo tồn đa dạng sinh học nông nghiệp

d) Áp dụng các công nghệ tiên tiến, đặc biệt là công nghệ sinh học để bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học nông nghiệp:

- Lựa chọn các công nghệ, kỹ thuật phù hợp với điều kiện địa phương.
- Xây dựng và thực hiện các đề án về chuyển giao công nghệ xây dựng các mô hình ứng dụng các tiên bộ khoa học và công nghệ về đa dạng sinh học.

4. Sử dụng bền vững tài nguyên sinh vật:

a) Sử dụng bền vững tài nguyên gỗ và lâm sản ngoài gỗ:

- Kiểm kê, đánh giá hiện trạng, quản lý khai thác và sử dụng tài nguyên gỗ và lâm sản ngoài gỗ, chú trọng nguồn dược liệu và cây cảnh; quy hoạch bảo tồn các chủng, loại được xác định là có nguy cơ tuyệt chủng ngoài tự nhiên;
- Nghiên cứu, áp dụng và phổ biến các phương pháp khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên gỗ và lâm sản ngoài gỗ nhằm tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên;
- Áp dụng phương pháp bảo tồn tại chỗ cho các nguồn tài nguyên gỗ và lâm sản quý hiếm trên địa bàn tỉnh.
- Lựa chọn, áp dụng công nghệ tiên tiến phù hợp với địa phương để chế biến lâm sản nhằm tăng giá trị sử dụng.

- Nghiên cứu, ứng dụng và phát triển các tri thức bản địa đặc biệt về cây, con làm thuốc và các nghề chế biến lâm sản ngoài gỗ truyền thống.

b) Sử dụng bền vững tài nguyên đất ngập nước:

- Điều tra, khảo sát và quản lý hệ thống các khu đất ngập nước.

- Phục hồi và phát triển những hệ sinh thái tại các khu đất ngập nước quan trọng.

- Nghiên cứu các mô hình điển hình về quản lý tổng hợp tài nguyên đất ngập nước của một số tỉnh khác và đề xuất phương hướng áp dụng tại tỉnh, đặc biệt là các mô hình phát triển kinh tế sinh thái, giảm sức ép khai thác tài nguyên đất ngập nước.

c) Ngăn chặn, kiểm soát, xử lý việc khai thác, buôn bán và sử dụng trái phép tài nguyên sinh vật và các hoạt động hủy hoại môi trường:

- Xây dựng quy chế phối hợp trong việc xử lý, khai thác, kinh doanh và sử dụng tài nguyên sinh vật trái phép.

- Kiểm soát, ngăn chặn và xử lý các hành vi gây thiệt hại tài nguyên rừng, tài nguyên sinh vật.

d) Quản lý và kiểm soát chặt chẽ các loài sinh vật lạ xâm lấn:

- Điều tra, thống kê và lập danh mục các loài sinh vật lạ xâm lấn hiện có trên địa bàn tỉnh.

- Đánh giá tác động của sinh vật lạ xâm lấn về mức độ xâm lấn và những ảnh hưởng của sinh vật lạ đối với hệ sinh thái, môi trường và kinh tế trên địa bàn.

- Quản lý và kiểm soát chặt chẽ các loài sinh vật ngoại lai xâm hại; xây dựng và thực hiện chiến lược phòng ngừa, kiểm soát sinh vật ngoại lai xâm hại và xử lý các sự cố do chúng gây ra.

e) Phát triển du lịch sinh thái:

- Điều tra, đánh giá tiềm năng và quy hoạch mạng lưới du lịch sinh thái;

- Xây dựng các khu du lịch sinh thái tiềm năng; huy động sự tham gia của cộng đồng dân cư thực hiện các dịch vụ du lịch và quản lý bảo vệ cảnh quan sinh thái khu vực du lịch.

f) Xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên sinh vật và quan trắc đa dạng sinh học:

- Xây dựng cơ chế trao đổi thông tin đa dạng sinh học trong tỉnh (xây dựng trang web về đa dạng sinh học, đầu mối trao đổi thông tin, cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học...).

- Xây dựng chương trình quan trắc đa dạng sinh học tại các khu bảo tồn, vườn quốc gia; các khu đất ngập nước quan trọng và thiết lập các cơ sở quan trắc đa dạng sinh học của tỉnh.

III - CÁC GIẢI PHÁP CHÍNH:

1. **Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp và cộng đồng:**

a) Tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo tồn, phát triển và sử dụng bền vững tài nguyên sinh vật; trong đó chú trọng việc tuyên truyền các quy định của pháp luật về bảo vệ các loài động, thực vật quý hiếm, đặc thù cho các đối tượng quản lý và cộng đồng.

b) Xây dựng và tổ chức thường xuyên các chương trình truyền thông, các khóa đào tạo, tập huấn, diễn đàn, các lễ kỷ niệm... về đa dạng sinh học và an toàn sinh học.

c) Phát hành các ấn phẩm truyền thông, chuyên ngành về đa dạng sinh học và an toàn sinh học.

2. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về đa dạng sinh học và an toàn sinh học:

a) Cụ thể hóa các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách về quản lý đa dạng sinh học và an toàn sinh học phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

b) Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý Nhà nước về đa dạng sinh học và an toàn sinh học thông qua các lớp tập huấn, đào tạo ngắn hạn, dài hạn trong và ngoài nước.

c) Kiện toàn tổ chức và nâng cao năng lực cho hệ thống các cơ quan quản lý Nhà nước về đa dạng sinh học và an toàn sinh học.

d) Thực hiện các chương trình, dự án điều tra, nghiên cứu, ứng dụng và lồng ghép các nội dung về đa dạng sinh học, an toàn sinh học vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo hướng phát triển bền vững.

e) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc khai thác, vận chuyển, sử dụng tài nguyên sinh vật.

3. Khoa học và công nghệ:

a) Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ để bảo tồn, phát triển và sử dụng bền vững tài nguyên sinh vật.

b) Điều tra cơ bản về tài nguyên sinh vật trong đó chú trọng đến đặc điểm sinh học, sinh thái của các loài sinh vật đặc hữu, quý hiếm và các hệ sinh thái đặc thù, nhạy cảm của tỉnh.

c) Bảo tồn, lưu giữ, trưng bày các nguồn gen, hiện vật, tiêu bản các loài đặc hữu, quý, hiếm phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học, vừa là nơi thăm quan, thu hút khách du lịch để phát triển kinh tế.

d) Phát hiện sinh vật lạ và xác định các nguồn gen quý hiếm, có giá trị kinh tế và đa dạng sinh học cao trên địa bàn tỉnh để bảo tồn và phát triển.

4. Tăng cường huy động và đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư cho đa dạng sinh học và an toàn sinh học:

a) Bảo đảm nguồn chi ngân sách Nhà nước cho công tác bảo tồn đa dạng sinh học, trong đó chú trọng đầu tư trực tiếp cho các hoạt động bảo tồn, phát triển và quản lý đa dạng sinh học.

b) Tạo cơ chế thuận lợi để thu hút các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ tài chính phục vụ công tác bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học và an toàn sinh học.

c) Lồng ghép các nội dung bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học, an toàn sinh học vào các lĩnh vực tài trợ được ưu tiên như xóa đói, giảm nghèo, y tế và phát triển nông thôn.

5. Hợp tác trong nước và quốc tế:

a) Hợp tác trong nước:

- Tăng cường hợp tác với các tỉnh lân cận, xây dựng các hành lang bảo tồn đa dạng sinh học để đảm bảo sự thống nhất cùng nhau phát triển.

- Phối hợp với các cơ quan nghiên cứu thực hiện các dự án về đa dạng sinh học và an toàn sinh học nhằm bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học của tỉnh.

b) Tăng cường hợp tác quốc tế:

- Đa dạng hóa các hình thức hợp tác với các tổ chức nước ngoài trong lĩnh vực bảo tồn đa dạng sinh học để học tập, tiếp nhận, chuyển giao công nghệ và tìm kiếm hỗ trợ kỹ thuật, tài chính.

- Tăng cường hợp tác về nghiên cứu trong lĩnh vực bảo tồn đa dạng sinh học, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, thu hút chuyên gia, thu hút vốn đầu tư vào các dự án bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường.

IV - CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN:

1. Giai đoạn từ nay đến năm 2020 cần tập trung, triển khai các nhóm dự án, chương trình sau:

STT	Tên dự án, chương trình	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Nguồn lực
1	Bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học trên cạn:				
1.1	Bảo tồn, phục hồi, phát triển và quản lý rừng bền vững	2010 - 2015	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Sự nghiệp kinh tế
1.2	Xác định tập đoàn cây bản địa phục vụ trồng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	2010 - 2013	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Sự nghiệp kinh tế
1.3	Điều tra, đánh giá lập hồ sơ đề nghị công nhận Vườn quốc gia Xuân Sơn là khu dự trữ sinh quyển và di sản ASEAN	2013 - 2014	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sự nghiệp kinh tế
1.4	Điều tra, thống kê đa dạng sinh học tại Khu di tích lịch sử Đền Hùng	2010 - 2013	Sở Tài nguyên và Môi trường	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Vườn QG Xuân Sơn. - Khu DTLS Đền Hùng	Sự nghiệp kinh tế

1.5	Nghiên cứu áp dụng mô hình quản lý rừng bền vững	2015 - 2017	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Sự nghiệp kinh tế
2	Bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học các vùng đất ngập nước:				
2.1	Lập quy hoạch bảo tồn các khu đất ngập nước trên địa bàn tỉnh	2010 - 2013	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sự nghiệp kinh tế
2.2	Nghiên cứu, đề xuất kế hoạch phục hồi các hệ sinh thái đất ngập nước ở những vùng dễ bị tổn thương về môi trường	2013 - 2015	Sở Tài nguyên và Môi trường		Nguồn vốn đầu tư phát triển
2.3	Điều tra, đánh giá lập hồ sơ đề nghị công nhận 02 vùng đất ngập nước của tỉnh: Đầm Ao Châu và hồ Chính Công là vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc gia.	2013 - 2015	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sự nghiệp kinh tế
3	Bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học nông nghiệp:				
3.1	Xác định các nguồn gen quý hiếm, có giá trị kinh tế và đa dạng sinh học cao trên địa bàn tỉnh.	2010 - 2015	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Khoa học và Công nghệ	Sự nghiệp kinh tế
3.2	Xây dựng mô hình bảo tồn các động vật quý hiếm	2016 - 2018	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Khoa học và Công nghệ	Sự nghiệp kinh tế
3.3	Xây dựng đề án sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	2017 - 2020	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sự nghiệp nghiên cứu khoa học công nghệ
4	Khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên, sinh vật:				
4.1	Xây dựng mạng lưới quan trắc đa dạng sinh học tại các khu bảo tồn, vườn quốc gia và các vùng đất	2014 - 2016	Sở Tài nguyên và Môi trường		Vốn đầu tư phát triển

	ngập nước quan trọng trên địa bàn tỉnh.				
4.2	Điều tra, đánh giá tiềm năng và quy hoạch mạng lưới du lịch sinh thái trên địa bàn tỉnh.	2010 - 2012	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		Sự nghiệp kinh tế
4.3	Xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư phát triển các khu du lịch sinh thái theo quy hoạch	2013 - 2015	Sở Kế hoạch và Đầu tư		Sự nghiệp kinh tế
4.4	Xây dựng các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ sinh học để sản xuất các mặt hàng nông sản thế mạnh của tỉnh.	2014 - 2017	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Sự nghiệp nghiên cứu khoa học công nghệ
4.5	Xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học, an toàn sinh học của tỉnh.	2015 - 2017	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Sở Khoa học và Công nghệ	Sự nghiệp môi trường
5	Tuyên truyền, đào tạo phát triển nguồn nhân lực:				
5.1	Đào tạo nguồn nhân lực về quản lý đa dạng sinh học và an toàn sinh học	2011 - 2013	Sở Nội vụ	Sở Tư pháp	Sự nghiệp đào tạo
5.2	Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về đa dạng sinh học	2012 - 2015	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tư pháp	Sự nghiệp môi trường

2. Nguồn kinh phí để triển khai, thực hiện các chương trình, dự án ưu tiên:

- Theo Thông tư số 01/2008/TT-BTC, ngày 31/01/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước đối với việc thực hiện kế hoạch hành động quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2010 và định hướng đến

năm 2020 thực hiện Công ước đa dạng sinh học và Nghị định thư Cartagena về an toàn sinh học.

- Căn cứ vào mục tiêu, nội dung và tính chất nhiệm vụ các chương trình, dự án. Hàng năm, các đơn vị thực hiện lập dự toán kinh phí cho các chương trình, dự án trên cơ sở thiết kế, kỹ thuật và đơn giá quy định; gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, đề nghị Sở Tài chính cân đối, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định để thực hiện.

IV - TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Chủ trì thực hiện các nội dung trong kế hoạch hành động của tỉnh liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Là cơ quan đầu mối có nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương liên quan tổ chức thực hiện có hiệu quả, đúng tiến độ các nội dung của kế hoạch hành động của tỉnh; định kỳ hàng năm tổng hợp kết quả, báo cáo kết quả thực hiện với UBND tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính có trách nhiệm: Cân đối, bố trí và hướng dẫn sử dụng vốn để thực hiện có hiệu quả, đúng tiến độ các nội dung của kế hoạch hành động của tỉnh.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm: Tổ chức, triển khai thực hiện các dự án liên quan đến lĩnh vực ngành quản lý và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện các nội dung trong kế hoạch hành động của tỉnh liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4. Công an tỉnh có trách nhiệm: Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, giám sát việc thực hiện bảo vệ đa dạng sinh học, an toàn sinh học của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

5. Các Sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội: Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt các nội dung liên quan trong kế hoạch hành động của tỉnh.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị có trách nhiệm: Thực hiện tốt các nội dung liên quan đến địa phương trong kế hoạch hành động của tỉnh.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị; Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên chiụ trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Doãn Khánh (Đã ký)